

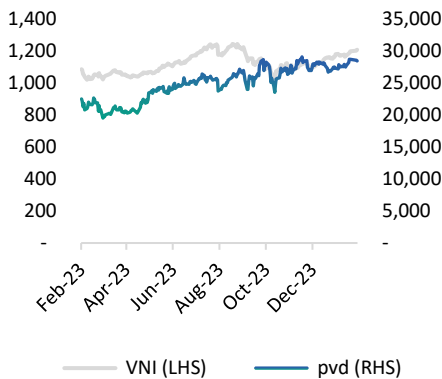
Ngành : Dầu khí (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị		MUA				Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (HSX: PVD)	
						LƯỢNG CÔNG VIỆC BẢO ĐẢM	
Giá hiện tại:	31,250	Ngày viết báo cáo:	18/03/2024	Cơ cấu cổ đông			
Giá mục tiêu trước đây:	33,900	Cổ phiếu lưu hành (Triệu)	555,880	PVN			50.46%
Giá mục tiêu mới:	38,400	Vốn hóa (tỷ đồng)	18,427	CTBC Vietnam Equity Fund			5.57%
Tỷ suất cổ tức	%	Thanh khoản bình quân 6 tháng:	7,737,660	Norges Bank			2.09%
Tiềm năng tăng giá	23%	Sở hữu nước ngoài	23.39%				

Chuyên viên phân tích ngành:

Nguyễn Cẩm Tú, CFA
(Dầu khí)
tuntc@bsc.com.vn

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Định giá

- BSC duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVD với giá mục tiêu mới là **38,400 VND/CP**, tăng 13% so với giá mục tiêu trước do (i) Điều chỉnh tăng lợi nhuận 8% do tăng giá cho thuê 2024 thêm 5% đạt mức 109,500 USD/ngày khi giá thuê trong khu vực tháng 1 tăng 7% YTD (ii) Sử dụng phương pháp PE và DCF với tỷ trọng 50%/50%. BSC sử dụng phương pháp PE thay cho PB do kỳ vọng hoạt động cho thuê giàn của PVD bước vào chu kỳ tăng trưởng với mức tăng lợi nhuận 2024F/25 đạt 72%/36%.

Dự báo kết quả kinh doanh

- BSC dự báo năm 2024, doanh thu thuần của PVD đạt 7,908 tỷ VND (+36% YoY), và LNST đạt 952 tỷ VND (+76% YoY), EPS FW = 1,530 VND/CP.

Triển vọng kinh doanh năm 2024

- Trong năm 2024, 5/6 giàn của PVD đều đảm bảo việc làm đến hết năm, chủ yếu tại thị trường Malaysia và Indonesia.
- Giá thuê giàn của PVD kỳ vọng đạt 109,500 USD/ngày (+40% YoY) do xu hướng tăng giá thuê trong khu vực Đông Nam Á. Đối với giá thuê giàn TAD và giàn đất liền, BSC kỳ vọng không có thay đổi nhiều.
- PVD có kế hoạch đầu tư giàn khoan mới với chi phí 90 triệu USD và thời gian hoàn vốn kỳ vọng từ 3 đến 4 năm.

Rủi ro

- Giá dầu biến động mạnh ảnh hưởng tới giá thuê giàn và lợi nhuận của PVD
- Rủi ro tỷ giá và khả năng thanh toán của khách hàng nước ngoài

Cập nhật doanh nghiệp

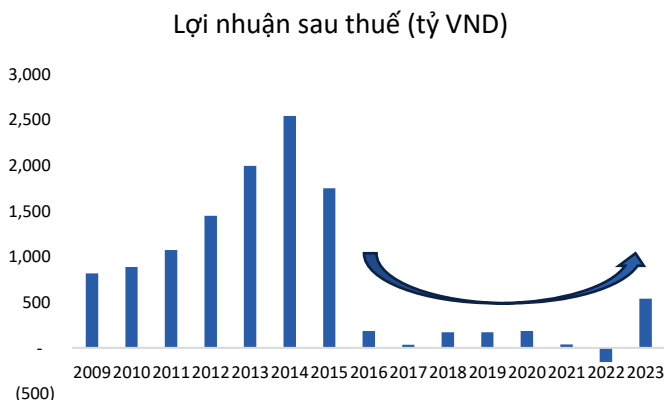
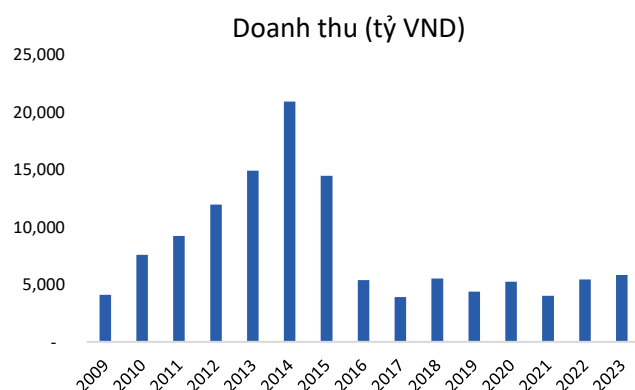
- Trong 2023, doanh thu thuần của PVD đạt 5,812 tỷ VND (+7% YoY), và lợi nhuận sau thuế đạt 541 tỷ VND so với cùng kỳ lỗ 155 tỷ.

	2022	2023	2024F	VN-Index
PE (x)	-90.0	30.0	22.1	13.7
PB (x)	0.7	1.1	0.9	1.6
PS (x)	1.8	2.9	2.1	1.3
ROE (%)	-1.1	3.7	5.5	16
ROA (%)	-0.7	2.6	4.0	5

	2021	2022	2023	2024F
Doanh thu	3,995	5,432	5,812	7,908
Lợi nhuận gộp	371	578	1,301	1,934
Lợi nhuận sau thuế	20	-99	541	952
EPS	-36	-242	803	1,534
Tăng trưởng EPS	-113%	N/A	N/A	90%

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2023

(tỷ VND)	2023	2022	% YoY	Cập nhật KQKD
Doanh thu thuần	5,812	5,432	7%	Trong 2023, doanh thu thuần của PVD đạt 5,812 tỷ VND (+7% YoY), và LNST đạt 541 tỷ VND so với cùng kỳ lỗ 155 tỷ. Về doanh thu: + Mảng dịch vụ khoan ghi nhận mức tăng trưởng khả quan khi giá cho thuê giàn đạt 78,700 USD (+30% YoY) cùng với mức sử dụng giàn đạt 3.91 giàn (so với 3.38 giàn của năm 2022) + Mảng dịch vụ khác (đo địa lý, ứng cứu) giảm 8% do trong năm 2023, công việc tại các dự án đầu khí tại Việt Nam suy giảm. Về lợi nhuận gộp: + Giá cho thuê giàn tăng cao khiến biên lợi nhuận gộp tăng mạnh, đạt mức 22.4% so với 10.6% của năm 2022. Hoạt động cho thuê giàn khởi sắc trong khi chi phí không tăng quá mạnh giúp PVD ghi nhận lợi nhuận 541 tỷ, so với cùng kỳ bị lỗ 155 tỷ.
Lợi nhuận gộp	1,301	577		
GPM	22.4%	10.6%		
Lãi/lỗ từ CTLDLK	66	45	46%	
CP bán hàng	24	18	38%	
CP QLDN	520	493	6%	
SG&A/Rev	9.3%	9.4%		
EBIT	906	30	X30	
DT tài chính	134	118	14%	
CP tài chính	392	313	25%	
LN khác	91	-56		
LNTT	656	-139		
LNST	541	-155		
Doanh thu bộ phận				
Dịch vụ khoan	4,070	3,535	15%	
Dịch vụ khác (đo địa lý, ứng cứu,...)	1,742	1,896	-8%	
Khác	154	114	33%	



Nguồn: PVD

TRIỂN VỌNG KINH DOANH NĂM 2024: LƯỢNG CÔNG VIỆC BẢO ĐẢM

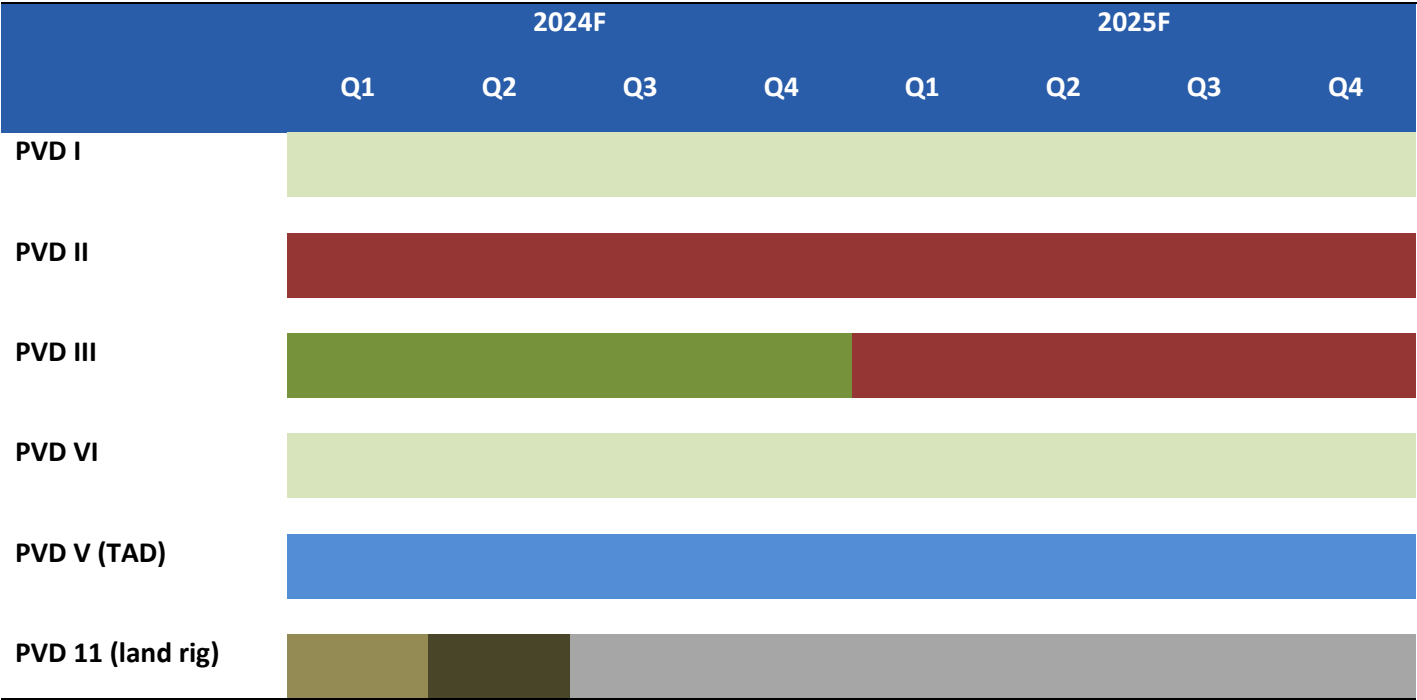
Trong năm 2024, 5/6 giàn khoan của PVD (trừ giàn PVD 11) đều đảm bảo việc làm đến hết năm, thậm chí, kéo dài đến năm 2025. Khác với năm 2023 khi PVD thực hiện một số hợp đồng ngắn cho khách hàng Việt Nam, các hợp đồng trong năm 2024 đến từ các thị trường nước ngoài: tập trung vào thị trường Malaysia và Indonesia.

A. Thị trường nước ngoài (chủ yếu Đông Nam Á): Nguồn công việc chính cho PVD

Các giàn khoan của PVD đều phục vụ tại thị trường nước ngoài với lượng công việc đảm bảo cho cả năm 2024:

- + Giàn khoan tự nâng (Jack – up): PVD I và PVD VI sẽ bắt đầu hợp đồng 2 năm 2024 – 2025 cho khách hàng Petronas (Malaysia). PVD II và PVD III tiếp tục dịch vụ khoan cho các khách hàng hiện tại.
- + Giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (TAD): PVD V tiếp tục hợp đồng 6 năm (2021 – 2027) cho khách hàng BSP ở Brunei.
- + Giàn khoan đất liền (Land rig): PVD 11 làm việc cho khách hàng GPRS và R&M ở Algeria trong 2 quý đầu năm 2024.

Kế hoạch làm việc các giàn khoan của PVD



Nguồn: PVD

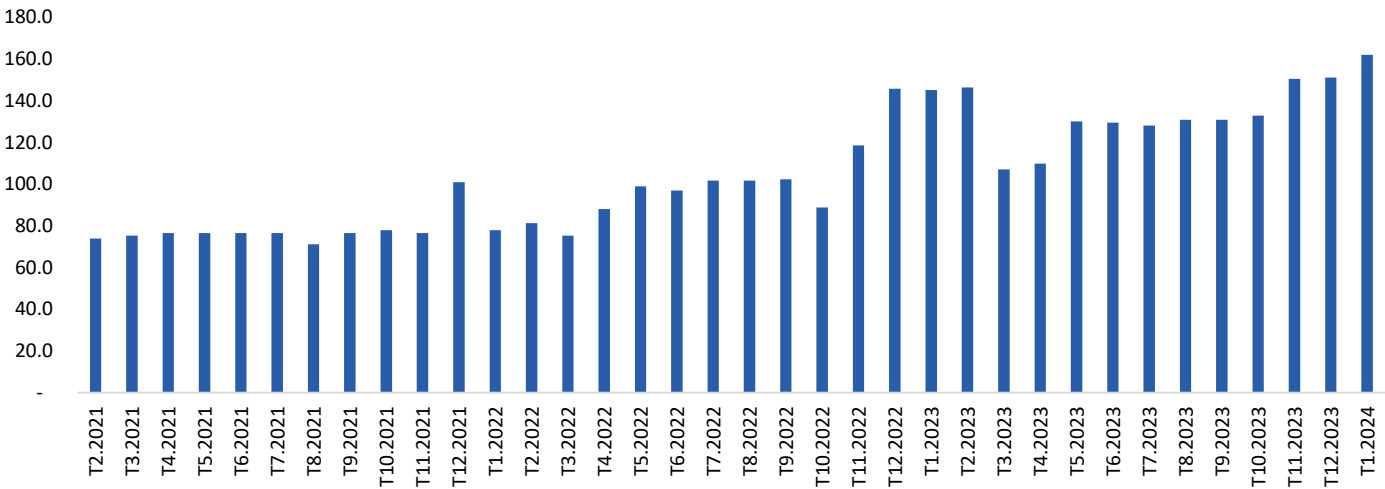
Chú thích:

Khách hàng	
	Petronas Carigali Sdn Bhd (PCSB) (Malaysia)
	Hibiscus Petroleum (Malaysia)
	Pertamina (Indonesia)
	Brunei Shell Petroleum (BSP) (Brunei)
	GPRS (Algeria)
	R&M

Đối với giá thuê giàn trong năm 2024:

+ Giá thuê giàn tự nâng tại thị trường Đông Nam Á vẫn đang trong xu hướng tăng: tháng 1, giá thuê giàn đạt mức 162,000 USD/ngày (+22% YoY, +7% YTD). Thậm chí, một số hợp đồng thuê giàn mới công bố trong tháng 2 năm nay đạt mức 170,000 USD/ngày. Tỷ lệ sử dụng giàn khoan đạt 93.3% trong khu vực, tăng so với mức 92.3%.

Giá thuê giàn khoan tại khu vực Đông Nam Á (nghìn USD/ngày)



Nhu cầu khoan tại các thị trường Malaysia, Indonesia và Thái Lan khả quan trong khi nguồn cung giàn thấp kỳ vọng hỗ trợ (i) giá thuê giàn vẫn neo cao trong năm 2024 và 2025 (ii) hợp đồng thuê dài hạn (> 12 tháng) thay vì ngắn hạn (< 3 tháng) như giai đoạn trước.

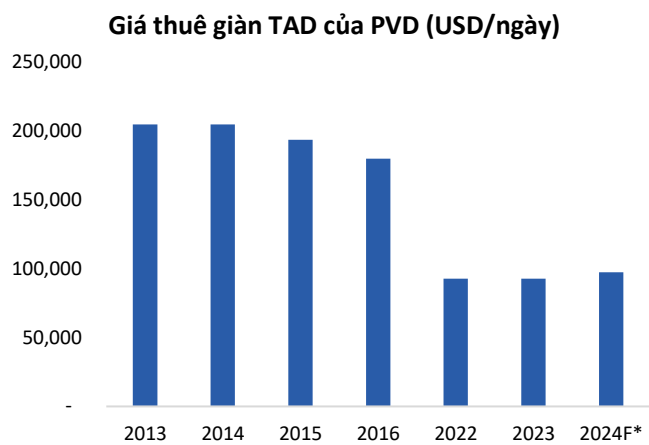
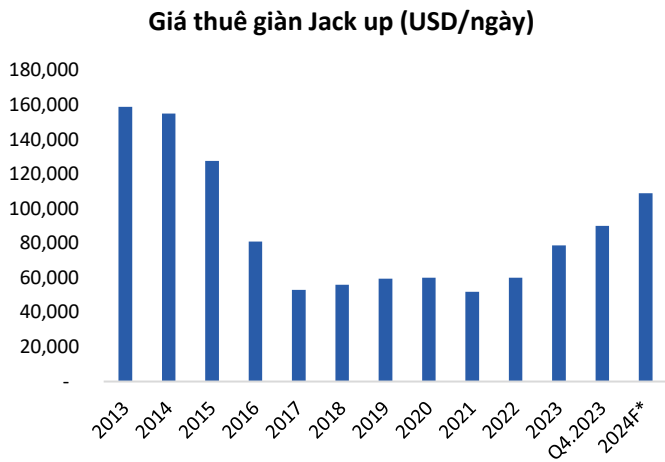
Một số hợp đồng dịch vụ khoan tại Đông Nam Á trong năm 2024

Công ty	Giàn khoan	Khách hàng	Khu vực	Thời hạn	Thời gian bắt đầu	Giá thuê (USD/ngày)*
Shelf Drilling	Shelf Drilling Perseverance	PVEP POC	Việt Nam	16 tháng	Q3.2024	~150,000
Velesto Drilling	Naga 8	Carigali Hess Operating Co.	Malaysia	18 tháng	Tháng 4.2024	~137,000
Borr Drilling	Giàn Mist	Valeura Energy	Thái Lan	12 tháng	Tháng 8.2024	~170,000
Borr Drilling	Giàn Idun	N/A	Đông Nam Á	24 tháng	Tháng 8.2024	~170,000

*BSC ước tính

Nguồn: BSC tổng hợp

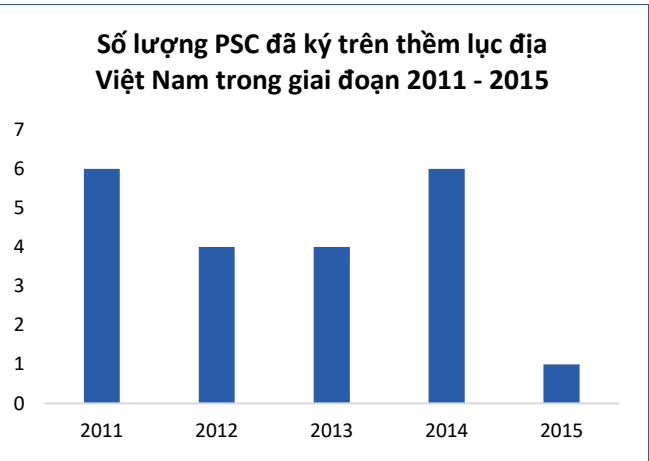
+ Giá thuê giàn tự nâng của PVD: BSC kỳ vọng giá thuê giàn của PVD trung bình đạt 109,500 USD/ngày (+40% YoY) do xu hướng tăng giá thuê trong khu vực Đông Nam Á. BSC lưu ý rằng trong quá khứ giá thuê giàn của PVD chiết khấu ~25% so với giá thuê trong khu vực. Đối với giá thuê giàn TAD và giàn đất liền, BSC kỳ vọng không có thay đổi nhiều.



Nguồn: PVD, BSC dự phóng

B. Thị trường trong nước: Kỳ vọng từ năm 2025

Trong quá khứ, thời kỳ đỉnh cao của ngành dầu khí (2011 – 2015) ghi nhận 21 hợp đồng PSC* được ký mới, trung bình mỗi năm ký 4 hợp đồng PSC. Đây cũng là giai đoạn kết quả kinh doanh của PVD đạt đỉnh cao khi nhu cầu khoan thăm dò của khách hàng rất lớn.



Các dự án thăm dò dầu khí	Thời gian
Cá Tầm	2025 – 2026
Lạc Đà Vàng	2025 – 2026
Lô B – Ô Môn	2025 – 2026
Sư Tử Trắng	2025

Nguồn: BSC tổng hợp

Tuy nhiên, thời kỳ khó khăn của ngành dầu khí (từ 2016 đến 2022) chỉ có 3 hợp PSC được ký. Việc sụt giảm nghiêm trọng các dự án dầu khí kéo theo việc suy giảm các công việc của các công ty dầu khí tại Việt Nam (trong đó có PVD).

Hiện nay, trải qua gần 7 năm không có hoạt động thăm dò mỏ khí mới, áp lực tìm kiếm nguồn cung khí cho ngành năng lượng Việt Nam ngày càng tăng khi các mỏ hiện hữu đang suy giảm trữ lượng nhanh chóng. Trong năm 2024, Bộ Công Thương dự kiến lượng khí cung cấp cho khu vực Đông Nam Bộ là 3 tỷ m3, giảm 34% so với lượng tiêu thụ trong năm 2023. Do đó, áp lực thăm dò, phát triển các mỏ mới ngày càng cấp bách và được chính phủ thúc đẩy mạnh.

BSC cho rằng khi các dự án dầu khí trong nước được triển khai, **PVD có lợi thế lớn** trong việc cung cấp dịch vụ thuê giàn với **giá thuê và biên lợi nhuận gộp tốt hơn các dự án tại thị trường nước ngoài**. Đại diện PVD cũng cho biết công ty kỳ vọng phục vụ tại thị trường Việt Nam khi các hợp đồng hiện tại kết thúc.

Kế hoạch đầu tư giàn khoan mới: PVD kỳ vọng sẽ Nâng cấp 1 – 2 giàn và đầu tư mua 1 giàn mới (thông qua liên danh liên kết). Chi phí mua giàn mới khoảng 90 triệu USD với kỳ vọng hoàn vốn 3 – 4 năm.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự báo năm 2024, doanh thu thuần của PVD đạt 7,908 tỷ VND (+36% YoY), và LNST đạt 952 tỷ VND (+76% YoY), EPS FW = 1,530 VND/CP.

+ Mảng Dịch vụ khoan kỳ vọng doanh thu đạt 5,739 tỷ (+41% YoY) do (i) giá thuê giàn Jack up kỳ vọng đạt 109,500 USD/ngày (+40% YoY) và (ii) số ngày làm việc của 6 giàn đạt 1,400 ngày (+9% YoY). Giá thuê giàn TAD và giàn khoan đất liền không thay đổi nhiều: giàn TAD kỳ vọng tăng 5% và giàn khoan đất liền giữ nguyên.

+ Mảng Dịch vụ khác (đo địa vật lý giếng, ứng cứu sự cố tràn dầu,...) kỳ vọng tăng trưởng 15% do có công việc từ các dự án dầu khí trong nước: kỳ vọng Lô B – Ô Môn từ 2H2024.

+ Biên lợi nhuận gộp BSC kỳ vọng tăng lên mức 24.4% so với mức 22.4% của năm 2023 nhờ giá cho thuê giàn tự nâng tăng.

Đơn vị: Tỷ VND	2022	2023	2024F	% thay đổi
Doanh thu thuần	5,432	5,812	7,908	+36%
Dịch vụ khoan	3,535	4,070	5,739	+41%
Thương mại	114	154	166	+8%
Khác	1,896	1,742	2,003	+15%
Lợi nhuận gộp	578	1,301	1,934	
<i>Biên LN gộp</i>	<i>10.6%</i>	<i>22.4%</i>	<i>24.4%</i>	
CP bán hàng	-18	-24	-32	+29%
CP QLDN	-493	-520	-704	+35%
EBIT	30	906	1,398	
DT tài chính	118	134	180	
CP tài chính	-313	-392	-297	
Lãi/lỗ từ công ty LDLK	45	66	66	
Thu nhập khác	-56	91	0	
LNTT	-139	656	1,148	+75%
LNST	-155	541	952	+76%
<i>Biên LNST</i>	<i>-2.9%</i>	<i>9.3%</i>	<i>12.0%</i>	
EPS	-250	803	1,534	+90%

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVD với giá mục tiêu mới là **38,400 VND/cp** (tăng 13% so với giá mục tiêu gần nhất – [Link](#)); tương ứng với mức upside 29% so với mức giá đóng cửa ngày 18/03/2024 do

- (i) Điều chỉnh tăng lợi nhuận 8% so với dự phóng mới nhất do tăng giá cho thuê 2024 của PVD lên 5% khi giá cho thuê trong khu vực tăng 7% YTD
- (ii) Sử dụng phương pháp định giá PE cho PVD với tỷ trọng 50%. Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá PE thay cho báo cáo trước do kỳ vọng trong giai đoạn 2024 – 2027, hoạt động kinh doanh của PVD bước vào chu kỳ mới giúp lợi nhuận tăng trưởng khả quan. BSC kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận 2024F/25F lần lượt đạt 72%/36%.

Phương pháp P/E: Chúng tôi sử dụng mức P/E mục tiêu năm 2024 là 23, chiết khấu 8% so với mức P/E kết hợp 5 năm là 24.8. BSC cho rằng đây là mức P/E hợp lý khi hoạt động cho thuê giàn của PVD kỳ vọng bước vào chu kỳ tăng với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận mạnh (2024F/25F đạt 72%/36%) sau giai đoạn đáy (2016 -2022)

	2024F	2025F
EPS	1,530	2,100
P/E mục tiêu	23	23
Giá mục tiêu	35,200	48,300

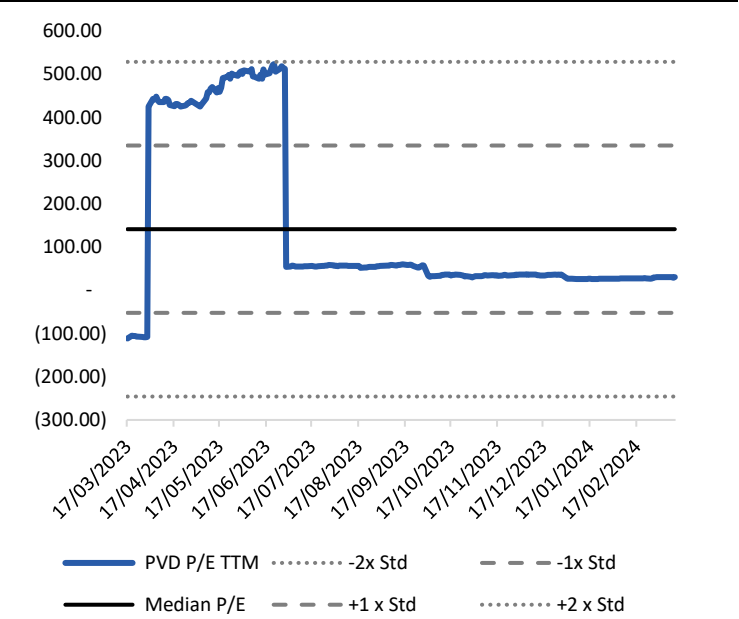
Phương pháp DCF:

Phương pháp DCF	2024F	2025F	Các giả định	
Giá trị chiết khấu dòng tiền tự do	1,746	1,513	Rf	4%
PV của giá trị cuối cùng (TV)	19,572		Beta	1.2
Tổng giá trị chiết khấu	22,831		Ke	16.0%
(+) Tiền & đầu tư ngắn hạn	3,534		Kd	11.0%
(-) Nợ	3,341		WACC	12.4%
			g	1%
Tổng giá trị công ty (tỷ VND)	23,025			
SLCP Lưu hành (triệu cp)	555			
Giá trị hợp lý	41,400			

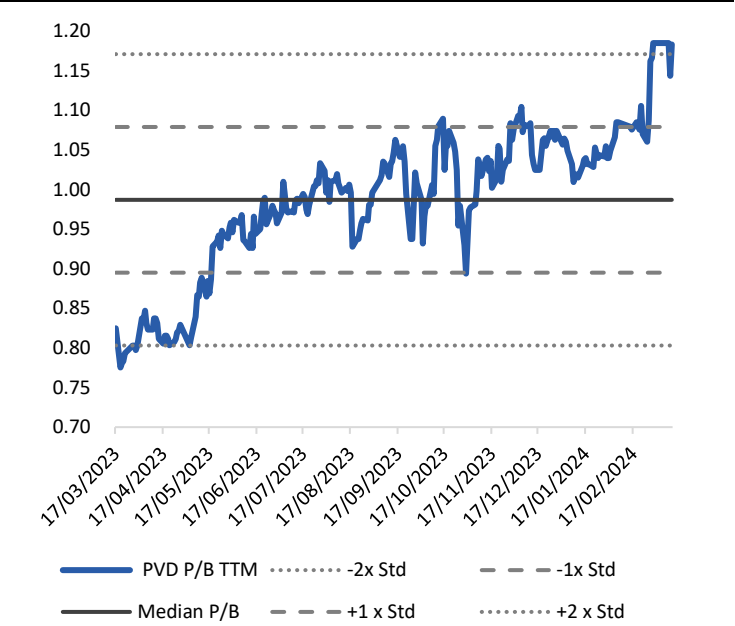
	Giá	Tỷ trọng	Giá bình quân
PE	35,200	50%	17,640
DCF	41,400	50%	20,800
		Giá mục tiêu	38,400
		Giá hiện tại	31,250
		Upside	23%

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** đối với cổ phiếu PVD với giá mục tiêu mới là **38,400 VND/cp** (tăng 13% so với giá mục tiêu gần nhất – [Link](#)); tương ứng với mức upside 23% so với mức giá đóng cửa ngày 18/03/2024

Stock PE



Stock PB



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	5,228	3,995	5,432	5,812
Giá vốn hàng bán	-4,900	-3,624	-4,853	-4,511
Lợi nhuận gộp	328	371	578	1,301
Chi phí bán hàng	-16	-13	-18	-24
Chi phí QLDN	-315	-386	-493	-520
Lãi/lỗ HĐKD	174	69	-83	565
Doanh thu tài chính	159	164	118	134
Chi phí tài chính	-202	-171	-313	-392
Chi phí lãi vay	-119	-109	-168	-250
Lợi nhuận từ CTLĐ/LK	216	104	48	66
Lãi/lỗ khác	30	-7	-56	91
Lợi nhuận trước thuế	200	62	-135	656
Thuế thu nhập DN	-19	-26	-16	-115
LN sau thuế	181	37	-151	541
CĐTS	-4	17	-52	-39
LNST - CĐTS	184	20	-99	502
EBITDA	822	708	812	1,763
EPS	278	-36	-242	803

	2020	2021	2022	2023
(Lỗ)/LNST	200	62	-135	656
Khấu hao	503	534	782	857
Thay đổi VLĐ	-98	-745	-1,104	163
Điều chỉnh khác	-292	-229	268	1,410
LCTT từ HĐ KD	313	-376	-188	1,573
Tiền chi mua TSCĐ	-552	-608	-136	-146
Tiền từ đầu tư khác	-700	1,065	1,366	-721
LCTT từ HĐ Đầu tư	-1,252	457	1,230	-868
Tiền chi trả cổ tức	-3	-3	-3	-3
Vay ròng	114	89	-119	348
Tiền thu khác	0	0	0	0
LCTT từ HĐ Tài chính	127	151	-238	-590
Dòng tiền đầu kỳ	1,890	925	886	2,079
Tiền trong kì	-812	232	1,131	116
Dòng tiền cuối kỳ	1,078	1,131	2,079	2,256

	2020	2021	2022	2023
Tiền & tương đương tiền	1,075	1,131	1,965	2,256
Đầu tư ngắn hạn	1,197	1,544	421	1,278
Phải thu ngắn hạn	1,806	1,936	2,224	2,340
Tồn kho	959	758	908	1,000
TS ngắn hạn khác	78	60	72	79
TS ngắn hạn	5,114	5,429	5,590	6,954
TS hữu hình	23,361	23,187	24,822	25,491
Khấu hao	-10,039	-10,402	-11,426	-12,540
TS dở dang dài hạn	206	921	8	7
Đầu tư dài hạn	1,790	602	625	666
TS dài hạn khác	229	797	834	804
TS dài hạn	15,739	15,332	15,091	14,696
Tổng TS	20,853	20,761	20,681	21,650
Phải trả ngắn hạn	695	780	566	567
Vay ngắn hạn	635	748	835	553
Nợ ngắn hạn khác	1,474	1,502	1,454	2,056
Tổng Nợ ngắn hạn	2,804	3,030	2,855	3,176
Vay dài hạn	3,231	3,206	3,000	2,788
Nợ dài hạn khác	779	693	744	792
Tổng Nợ dài hạn	4,010	3,899	3,743	3,580
Tổng Nợ	6,814	6,930	6,598	6,756
Vốn góp	4,215	4,215	5,563	5,563
Thặng dư vốn cổ phần	2,434	2,434	2,434	2,434
LN chưa phân phối	1,936	1,923	441	691
Vốn chủ khác	5,206	5,020	5,416	5,969
Cổ đông thiểu số	247	240	229	237
Tổng Vốn chủ sở hữu	14,039	13,832	14,083	14,894
Tổng nguồn vốn	20,853	20,761	20,681	21,650
Số CP lưu hành (triệu)	419	419	554	554

	2020	2021	2022	2023
KN thanh toán				
Hsố TT ngắn hạn	1.83	1.79	1.97	2.19
Hsố TT nhanh	1.45	1.52	1.63	1.85
Cơ cấu vốn				
Hsố Nợ/TTS	33%	33%	32%	31%
Hsố Nợ/VCSH	49%	50%	47%	45%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	66.8	86.4	62.6	77.2
Số ngày phải thu	85.9	99.2	102.4	111.5
Số ngày phải trả	55.6	78.6	49.1	45.9
CCC	97.1	107.0	115.9	142.8
Tỉ suất lợi nhuận				
Lợi nhuận gộp	6.3%	9.3%	10.6%	22.4%
Lợi nhuận LNST	3.5%	0.9%	-2.8%	9.3%
ROE	1.3%	0.3%	-1.1%	4%
ROA	0.9%	0.2%	-0.7%	3%
Định Giá				
PE	27.3	59	-86.2	42.4
PB	0.5	0.9	0.8	1.11
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	20%	-24%	36%	7%
Tăng trưởng EBIT	-8%	-46%	-81%	2971%
Tăng trưởng LNNT	6%	-69%	-315%	573%
Tăng trưởng EPS	-9%	-113%	572%	449%

Nguồn: PVD, BSC Research

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8&9 Tòa LietvietPostbank
17 Tông Đản, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

